

Tp.Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 03 năm 2011

## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam các nội dung sau:

### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2010 Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát và tư vấn trên các lĩnh vực sau:

- Kiểm tra giám sát báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính hợp lý, hợp pháp của các số liệu tài chính
- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập.
- Đánh giá hoạt động của Ban điều hành
- Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Trên cơ sở báo cáo tài chính do Công ty lập và báo cáo kiểm toán năm 2010 của Công ty TNHH DV Tư Vấn TCKT Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCs), Ban kiểm soát đã kiểm tra việc tuân thủ Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ; qua đó chúng tôi thống nhất và xác nhận số liệu trong báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty AASCs kiểm toán như sau: (đính kèm báo cáo)

### 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2010, bên cạnh việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp và ra 15 nghị quyết, 7 quyết định cụ thể như sau:

- 6 NQ thuộc công tác tổ chức, nhân sự
- 4 NQ các chủ trương, kế hoạch, phương án đầu tư
- 3 NQ về phân phối lợi nhuận, quản lý cổ đông, tư vấn niêm yết
- 1 NQ về việc chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2010
- 1 NQ về xếp loại doanh nghiệp năm 2010
  
- 3 QĐ về đầu tư, xây dựng
- 1 QĐ về nhân sự
- 2 QĐ về qui trình, qui chế quản lý công ty
- 1 QĐ về tạm trích quỹ tiền thưởng

Tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam biến động một cách bất thường theo xu hướng tiêu cực trong năm 2010, tuy nhiên Hội đồng quản trị đã điều chỉnh chiến lược và kịp thời chỉ đạo nên trong khi rất nhiều các doanh nghiệp bị thua lỗ thì CADIVI đã đạt được một kết quả rất đáng khích lệ, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra (đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận):

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>TH năm 2009</i>	<i>KH năm 2010</i>	<i>TH năm 2010</i>	<i>So với năm 2009 (%)</i>	<i>So với KH</i>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7=6/4)</i>	<i>(8=6/5)</i>
1	Giá trị TSL	Tr.Đồng	2.886.337	3.030.000	3.315.232	114,88	109,39
2	Doanh thu Trong đó XK	Tr.Đồng USD	1.652.368 2.370.844	1.735.000 2.000.000	2.339.713 3.990.318	141,60 168,31	134,85 199,52
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.Đồng	77.446	62.487	121.038	156,29	193,70
4	Thu nhập BQ	Tr.Đồng	6,426	6,500	7,163	111,47	110,21
5	EPS	Đồng	3.392	2.441	4.725	139,30	193,57
6	Cổ tức	%	13	15	30 <sup>(1)</sup>	230,77	200,00

<sup>(1)</sup> Cổ đông đã được tạm ứng 10% cổ tức của năm 2010. Mức cổ tức 30% tính theo Phương án Phân phối lợi nhuận trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

#### **4. Công tác quản lý và điều hành của Ban tổng giám đốc và các phòng chức năng**

Năm 2010 là một năm mà Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện tốt các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

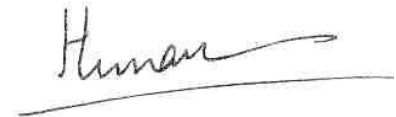
#### **5. Kiến nghị**

Hội đồng Quản trị và cổ đông Công ty nên có kế hoạch chuẩn bị nhân sự dự kiến bầu cho nhiệm kỳ mới 2012-2016 đối với các vị trí là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ đại hội năm 2012.

Trên đây là các nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam. Chúng tôi trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và mong được sự đóng góp chân thành của Quý vị cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT  
Trưởng ban,



**Ngô Quốc Hùng**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

**Năm 2010**

### **I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*(Áp dụng với các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)*

<b>Stt</b>	<i>Nội dung</i>	<b>Số dư cuối kỳ 31-12-2009</b>	<b>Số dư cuối kỳ 31-12-2010</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>594.731.403.812</b>	<b>796.535.649.663</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	93.082.828.440	122.039.252.928
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	199.728.615.132	275.791.992.755
4	Hàng tồn kho	300.603.369.219	386.762.916.720
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.316.591.021	11.941.487.260
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>153.977.949.313</b>	<b>170.151.546.655</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	115.405.407.393	117.524.814.712
	- Tài sản cố định hữu hình	59.954.065.256	55.967.294.539
	- Tài sản cố định vô hình	52.646.696.902	51.376.920.750
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.804.645.235	10.180.599.423
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.897.037.611	8.667.325.111
5	Tài sản dài hạn khác	29.675.504.309	43.959.406.832
<b>III</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>748.709.353.125</b>	<b>966.687.196.318</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>497.157.202.568</b>	<b>648.312.771.304</b>
1	Nợ ngắn hạn	494.248.724.859	639.695.188.049
2	Nợ dài hạn		557.001.657
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>251.902.150.557</b>	<b>318.931.426.671</b>
1	Vốn chủ sở hữu	<b>248.818.934.576</b>	<b>318.374.425.014</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	192.000.000.000	192.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	24.034.300.000	24.034.300.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ	-73.000.000	-126.900.000
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.856.653.318	3.088.909.029
	- Các quỹ	9.189.549.408	12.426.180.204
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.811.431.850	86.951.935.781
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	<b>3.083.215.981</b>	<b>557.001.657</b>
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.083.215.981	557.001.657
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
<b>VI</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>748.709.353.125</b>	<b>966.687.196.318</b>

## II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.666.618.682.347	2.350.171.913.027
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	14.251.008.343	10.458.647.880
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.652.367.674.004	2.339.713.265.147
4	Giá vốn hàng bán	1.434.871.685.518	2.015.895.147.157
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>217.495.988.486</b>	<b>323.818.117.990</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	16.144.046.513	5.729.942.596
7	Chi phí tài chính	58.116.556.020	61.521.864.145
8	Chi phí bán hàng	36.191.930.073	56.035.999.193
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	62.380.710.015	91.412.572.795
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>76.950.838.891</b>	<b>120.577.624.453</b>
11	Thu nhập khác	767.975.082	480.341.074
12	Chi phí khác	272.829.153	20.221.576
13	Lợi nhuận khác	<b>495.145.929</b>	<b>460.119.498</b>
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>77.445.984.820</b>	<b>121.037.743.951</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.431.675.042	30.371.798.948
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>58.014.309.778</b>	<b>90.665.945.003</b>
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.392	4.725
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (1)	1.300	3.000